

Bản án số: 49/2026/LĐ-PT
Ngày 13-3-2026
V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;
Ông Huỳnh Văn Luật.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 148/2025/TLPT-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 72/2025/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 497/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ong Văn T, sinh năm 1991; thường trú: Ấp L, xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Nhà F, KDC H, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương T1, sinh năm 1990; địa chỉ: đường D, số A Nhà ở xã hội PH1, tổ A, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 27/3/2024); có mặt.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH S; địa chỉ: T đất số 255, 209, 541, 542 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1989; địa chỉ: C đường E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương – là

người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo giấy ủy quyền ngày 26/02/2025); có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2024, bản tự khai ngày 29/3/2025, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/12/2023, Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty), địa chỉ tại thửa đất số 255, 209, 541, 542, tờ bản đồ số 10, 11, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng (thời hạn từ 01/12/2023 đến 31/12/2024) trước đó đã qua thời gian thử việc, công việc phải làm là công nhân thuộc bộ phận đóng gói, mức lương 5.729.000 đồng (trong đó lương cơ bản 4.729.000 đồng, chuyên cần 1.000.000 đồng). Quá trình làm việc tại công ty, ông T luôn chấp hành nội quy làm việc, luôn hoàn thành công việc được giao và chưa bị lập biên bản vi phạm hay bị xử lý kỷ luật lao động.

Ngày 30/01/2024, khi đang làm việc, ông T bất ngờ bị công ty thông báo (bằng miệng) buộc nghỉ việc mà không rõ lý do, kèm theo thông báo này, công ty cung cấp cho ông T đơn xin nghỉ việc đề ngày 20/01/2024, phiếu hẹn lãnh lương và buộc ông T ký vào các văn bản này nhưng ông T không ký (tất cả các văn bản này đều có sẵn chữ ký của các bộ phận có liên quan của công ty). Bức xúc và không đồng ý với cách làm việc của công ty, ông T yêu cầu giải thích nhưng không được chấp nhận, sau đó công ty đưa bảo vệ vào buộc ông T rời khỏi nơi làm việc. Sau đó, ông T có nộp đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương, kết quả hòa giải không thành nên ông T khởi kiện yêu cầu, cụ thể:

- Buộc Công ty TNHH S bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, số tiền là: 11.458.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S trả tiền lương do vi phạm trong những ngày không báo trước, số tiền là: 5.729.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S trả cho ông Ong Văn T tiền lương trong những ngày không được làm việc, thời gian từ 01/2/2024 đến khi kết thúc hợp đồng lao động (ngày 31/12/2024), số tiền là: 63.019.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S nhận ông Ong Văn T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trường hợp không nhận trở lại làm việc thì: Bồi

thường 02 tháng tiền lương số tiền 11.458.000 đồng và bồi thường trợ cấp thôi việc, số tiền là: 1.432.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng trả cho ông Ong Văn T trong trường hợp không nhận trở lại làm việc.

- Buộc Công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông Ong Văn T không được làm việc đến khi kết thúc hợp đồng lao động.

Theo thông báo thụ lý vụ án (thụ lý phản tố) thì bị đơn Công ty TNHH S cho rằng nguyên đơn có nộp đơn xin nghỉ việc nhưng thực tế nguyên đơn không nộp, không ký đơn xin thôi việc như bị đơn trình bày. Mà ngược lại, vào ngày 30/01/2024, bị đơn còn đưa bảo vệ vào buộc ông T rời khỏi nơi làm việc. Việc nguyên đơn nghỉ việc là do ý chí đơn phương trái pháp luật của bị đơn, do đó yêu cầu phản tố của bị đơn không có căn cứ, nguyên đơn bác bỏ toàn bộ và đề nghị tòa án không chấp nhận.

** Tại Bản tự khai ngày 01/12/2024, lời khai và đơn phản tố trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Ngày 01/12/2023, Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là công ty S) và ông Ong Văn T ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2023, chức danh: công nhân, bộ phận: đóng gói, mức lương 4.729.000 đồng. Ngày 30/01/2024, ông Ong Văn T trực tiếp nộp đơn xin nghỉ việc tại văn phòng công ty cho bộ phận Nhân sự. Trên cơ sở Đơn xin nghỉ việc ông Ong Văn T nộp trực tiếp, bộ phận nhân sự công ty R chốt ngày công tháng 01/2024 và giao bản chính phiếu hẹn nhận lương cho ông Ong Văn T và đợi quyết định của Ban giám đốc công ty. Mặc dù chưa có Quyết định từ Giám đốc công ty nhưng ông Ong Văn T không đến Công ty làm việc kể từ ngày 31/01/2024. Mặc dù nhân viên bộ phận Nhân sự công ty nhiều lần gọi điện nhưng ông Ong Văn T không nghe máy.

Ngày 01/3/2024, Công ty S bất ngờ nhận được Thông báo triệu tập về v/v hòa giải tranh chấp lao động cá nhân ngày 26/02/2024 của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố T do có đơn yêu cầu của ông Ong Văn T.

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố như sau:

- Buộc ông Ong Văn T bồi thường cho Công ty TNHH S nửa tháng tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Lao động số tiền 2.364.500 đồng.

- Buộc ông Ong Văn T bồi thường cho Công ty TNHH S một khoản tiền tương ứng với 01 tháng tiền lương của người lao động vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với số tiền 4.729.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu bồi thường là: 7.093.500 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và nộp đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động từ 5.729.000 đồng thành 4.729.000 đồng. Ngoài ra nguyên đơn rút lại các yêu cầu khởi kiện sau: Yêu cầu công ty nhận trở lại làm việc, yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương, yêu cầu trợ cấp thôi việc; yêu cầu ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động; yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu phản tố, các ý kiến đã trình bày trong quá trình tố tụng.

* Tại Bản án lao động sơ thẩm số 72/2025/LĐ-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ong Văn T về việc tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn Công ty TNHH S.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH S đối với nguyên đơn ông Ong Văn T.

3. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Buộc Công ty TNHH S nhận ông Ong Văn T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết, trường hợp không nhận trở lại làm việc thì bồi thường 02 tháng tiền lương số tiền 11.458.000 đồng và bồi thường trợ cấp thôi việc, số tiền là: 1.432.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng trả cho ông Ong Văn T trong trường hợp không nhận trở lại làm việc.

- Buộc Công ty TNHH S đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông Ong Văn T không được làm việc đến khi kết thúc hợp đồng lao động.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/11/2025 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 72/2025/LĐ-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương T1 được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bị đơn có trụ sở tại địa chỉ tại T đất số 255, 209, 541, 542 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày: Nguyên đơn vào làm việc tại trụ sở bị đơn từ ngày 01/12/2023, hai bên có ký hợp đồng lao động ngày 01/12/2023; thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2024; công việc của nguyên đơn là công nhân, bộ phận đóng gói; mức lương: 4.729.000 đồng/tháng; từ ngày 31/01/2024 đến nay nguyên đơn không còn làm việc tại trụ sở bị đơn, bị đơn đã thực hiện thủ tục báo giảm lao động với nguyên đơn tại C từ ngày 31/01/2024. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn.

[3.1] Nguyên đơn trình bày, ngày 30/01/2024 bị đơn thông báo (bằng lời nói) cho nguyên đơn nghỉ việc, kèm theo thông báo cho nghỉ việc, bị đơn đã

giao cho nguyên đơn 01 đơn xin nghỉ việc đề ngày 20/01/2024, phiếu hẹn lãnh lương (thời gian nhận lương ngày 26/02/2024) và buộc nguyên đơn ký vào các văn bản này nhưng nguyên đơn không ký bất cứ văn bản nào kể cả đơn xin thôi việc. Ngày 31/01/2024, bị đơn đã chốt sổ bảo hiểm của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn.

[3.2] Tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Bị đơn không nhận được đơn xin thôi việc của nguyên đơn. Nguyên đơn có đến phòng nhân sự của bị đơn đưa ra bản pho tô đơn xin thôi việc, vì đơn xin thôi việc là bản pho tô không hợp lệ nên phòng nhân sự có nói nguyên đơn về chờ lãnh đạo giải quyết, vì vậy bị đơn không ban hành quyết định cho nguyên đơn thôi việc. Việc bị đơn thực hiện thủ tục báo giảm lao động đối với nguyên đơn tại cơ quan Bảo hiểm xã hội từ ngày 31/01/2024 là có sai sót. Bị đơn không ban hành quyết định cho nguyên đơn thôi việc nên không chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Xét, bị đơn không ban hành quyết định cho nguyên đơn thôi việc, tuy nhiên bị đơn đã thực hiện thủ tục báo giảm lao động tại cơ quan Bảo hiểm xã hội từ ngày 31/01/2024. Như vậy, Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt từ ngày 31/01/2024.

[3.3] Như nhận định tại mục [3.2], bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn không đúng quy định tại Điều 36 Bộ luật lao động. Vì vậy, bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động, bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn các khoản gồm: 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật ($4.729.000 \text{ đồng/tháng} \times 02 \text{ tháng}$) = 9.458.000 đồng; tiền lương do vi phạm trong những ngày không báo trước số tiền 4.729.000 đồng; Tiền lương trong những ngày không được làm việc thời gian từ 01/2/2024 đến khi kết thúc hợp đồng lao động ngày 31/12/2024 ($4.729.000 \text{ đồng/tháng} \times 11 \text{ tháng}$) = 52.019.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương T1 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với những phần khác của bản án, đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lương T1.

2. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 72/2025/LĐ-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ong Văn T về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với bị đơn Công ty TNHH S.

Buộc Công ty TNHH S phải bồi thường cho ông Ong Văn T tổng số tiền 66.206.000 đồng (sáu mươi sáu triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng), gồm:

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (4.729.000 đồng/tháng x 02 tháng) = 9.458.000 đồng.

- Bồi thường tiền lương do vi phạm trong những ngày không báo trước số tiền 4.729.000 đồng.

- Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc thời gian từ 01/2/2024 đến khi kết thúc hợp đồng lao động ngày 31/12/2024 (4.729.000 đồng/tháng x 11 tháng) = 52.019.000 đồng.

2.2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu 3.310.300 đồng (ba triệu ba trăm mười nghìn ba trăm đồng).

3. Đối với những phần khác của bản án không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16;
- TAND Khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 12b (70).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền